

Bản án số: 303/2022/HS-PT

Ngày: 12 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

**- Thư ký phiên tòa:** Bùi Đức Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 593/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Mộng X do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị cáo kháng cáo, kháng nghị:**

Họ và tên: Nguyễn Mộng X, sinh năm: 1984 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: số 71 đường B11, Khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị T; Có vợ Hồ Thị H và 02 người con; Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 20 – 23/8/2013 bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo bản án số 183/2013/HS-ST. Ngày 29/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức”, theo bản án số 146/2019/HS-PT, bị cáo chưa chấp hành hình phạt. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/4/2020 (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:* Luật sư Đỗ Hải B – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/5/2013, bị cáo Nguyễn Mộng X đăng ký thành lập Công Trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ thương mại sản xuất AD T1 (Công ty T1), do Nguyễn Mộng X làm giám đốc và đại diện theo pháp luật; trụ sở chính tại số 31, đường A1, khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng; Ngành nghề kinh doanh: quảng cáo; hoạt động sáng tác nghệ thuật và giải trí; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; tổ chức và giới thiệu xúc tiến thương mại. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp: 1801307108. Đăng ký lần đầu ngày 24/5/2013, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/10/2014.

Ngày 16/10/2017 bị cáo Nguyễn Mộng X đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mang tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng thương mại dịch vụ P (Gọi tắt là công ty P), do Nguyễn Mộng X làm giám đốc và đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn là Hồ Thị H, trụ sở tại 71 đường B11, khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vốn điều lệ 20 tỷ; ngành nghề kinh doanh: quảng cáo; hoạt động sáng tác nghệ thuật và giải trí; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tổ chức và giới thiệu xúc tiến thương mại. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp: 1801572709.

Quá trình hoạt động của công ty bị thua lỗ do đầu tư dàn trải, không có kế hoạch chi tiết buộc phải vay mượn bên ngoài để duy trì hoạt động công ty. Bị cáo X đã nghĩ ra cách làm giả, sử dụng con dấu tài liệu giả để ký kết nhiều hợp đồng với công ty, doanh nghiệp và dùng hình thức một tài sản đem đi chuyển nhượng cho nhiều người để chiếm đoạt tiền của nhiều công ty, doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:*

Ngày 02/8/2017, Bị cáo X với tư cách giám đốc công ty T1 ký kết hợp đồng chuyển nhượng đầu tư xây dựng Pano quảng cáo số 0208/HĐKT/2017 với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng quảng cáo K (gọi tắt là Công ty K) do ông Bùi Minh Q, sinh: 1976, ngụ địa chỉ: số 479/2B, T, khu phố x8, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc. Nội dung hợp đồng: Công ty T1 do Bị cáo X làm giám đốc sẽ chuyển nhượng vĩnh viễn toàn bộ dự án đầu tư xây dựng bảng quảng cáo ngoài trời dưới hình thức xã hội hóa cho Công ty K các vị trí và số lượng như sau:

01 biển tại đảo nút giao vào thành phố Sóc Trăng tại KM2129+365 của Quốc lộ 1.

01 biển tại vòng xoay tuyến tránh thành phố Bạc Liêu tại KM2185+286 của Quốc lộ 1.

01 biển tại KM50+00, Quốc lộ 91 đảo nút giao ngã ba L, phường T1, Quận T2, thành phố Cần Thơ.

02 biển tại KM 2067+050 (T, P) thuộc đường dẫn cầu Cần Thơ, Quốc lộ 1 trên địa phận tỉnh Vĩnh Long.

Tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng dự án: 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Chi phí này là toàn bộ chi phí bên B đầu tư cho bên A thực hiện các thủ tục xin phép, xin quy hoạch, giải phóng mặt bằng...của Bộ Giao thông và các cơ quan chính quyền ở địa phương.

Thời gian bàn giao hồ sơ: 15 ngày sau khi bên B thanh toán đợt 1. Phía Xuyên cung cấp tất cả các thủ tục về hồ sơ xin phép xây dựng.

Thời gian giao mặt bằng trong vòng 20 ngày sau khi bên A nhận tiền đợt 2 (BL 747 đến 451).

Sau khi ký kết hợp đồng, Bị cáo X đã nhận tổng cộng: 550.000.000 đồng vào các lần:

Ngày 03/8/2017, Bị cáo X nhận chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) (BL753).

Ngày 04/8/2017, nhận tiền mặt 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) (BL755).

Ngày 07/8/2017, tiếp tục nhận chuyển khoản 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) (BL753).

Ngày 10/8/2017, Cục quản lý đường bộ IV Tổng cục đường bộ Việt Nam mới cấp giấy phép thi công số 197/CQLĐBIV-GP (BL733).

Sau khi nhận được giấy phép thi công của Cục Quản lý đường bộ IV, Bị cáo X phô tô màu một bản đưa cho Q, còn bản chính Bị cáo X giữ. Ngày 15/8/2017, Bị cáo X tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng dự án xây dựng Pano tấm lớn số 03/08/2017/HĐCN/TT-TPH với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ quảng cáo T3 (gọi tắt là Công ty T3) do ông Lương Ngọc Quý T4, sinh năm: 1977, địa chỉ số 334, đường số 7, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh làm giám đốc để chuyển nhượng dự án xây 02 biển quảng cáo tại KM 2067+050 thuộc đường dẫn Cầu Cần Thơ, Quốc lộ 1A, thị xã B1, tỉnh Vĩnh Long trị giá 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) (BL 656-659). Ông T4 đã thuê người thi công xong hai biển quảng cáo và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2018 đến nay. Mặc dù đã chuyển nhượng dự án xây dựng hai biển quảng cáo tại KM 2067+050 thuộc đường dẫn Cầu Cần Thơ, thuộc tỉnh Vĩnh Long cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ quảng cáo T3 nhưng vẫn tiếp tục nhận tiền của Công ty K số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) vào các ngày 15/8/2017 và 24/8/2017 (BL752).

Như vậy, Bị cáo X đã nhận của công ty K tổng cộng 950.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2020, ông Q làm đơn tố giác, yêu cầu Bị cáo X trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

*Vụ thứ hai:*

Ngày 26/ 9/2018, Bị cáo X ký hợp đồng Chuyển nhượng dự án pano tấm lớn số 003/HĐKT/2018 với Công ty trách nhiệm hữu hạn quảng cáo thương mại P2, gọi tắt là Công ty P2 do ông Trần Hoàng Anh T5 ngụ số 3/2 H, Phường X1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long làm Giám đốc.

Chuyển nhượng dự án xây dựng pano cổ động chính trị tuyên truyền an toàn giao thông và kết hợp quảng bá thương hiệu thuộc xã T, tỉnh Vĩnh Long: 01 biển, Kích thước: 9m x 18m x3 mặt, chân cao 18m, trụ độc lập.

Vị trí biển: Tại Km 2031+000 QL1 thuộc xã T, thành phố V. Phía X cung cấp tất cả các thủ tục về hồ sơ xin phép xây dựng.

Giá trị hợp đồng chuyển nhượng 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) (BL 700 – 703).

Bị cáo X đã tạm ứng của Công ty P2 số tiền 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) (BL 709-710). Ngày 02/6/2020, ông Trần Văn T6 làm đơn tố cáo và yêu cầu Bị cáo X phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Tuy nhiên tại vị trí quảng cáo tại Km 2031+000 QL1 thuộc xã T, thành phố V, Bị cáo X đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án xây dựng Pano tấm lớn số 02/HĐKT/2017 với ông Lương Ngọc Quý T4, Giám đốc Công ty T3 để chuyển nhượng mua giấy phép Pano vào ngày 15/9/2017 có nội dung: chuyển nhượng 2 vị trí biển quảng cáo:

Vị trí biển 1: tại KM 2031 trên Quốc lộ 1, xã T, thành phố V (vòng xoay đường P và đường tránh thành phố Vĩnh Long): số lượng: 01 biển; kích thước: 08m x 16m x 03 mặt, trụ độc lập.

Vị trí biển số 02: tại KM 50, phường T, Quận T, thành phố Cần Thơ (vòng xoay ngã ba lộ rẽ đi L và R); số lượng: 01 biển, kích thước: 09m x 18m x 3 mặt, trụ độc lập.

Trị giá hợp đồng là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), Bị cáo X đã nhận 1.395.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), dự án này không thực hiện được vì không đủ điều kiện thi công.

*Vụ thứ ba:*

Do quan hệ rộng trong xã hội, Bị cáo X xin được văn bản số 10435/BGTVT-KCHT ngày 14/9/2017 của Bộ Giao thông vận tải “v/v khai thác, sử dụng trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ quốc lộ 1 đoạn từ km 2066+ 000 đến Km 2067+ 825 (phía trái tuyến) thuộc thị xã B, tỉnh Vĩnh Long” nội dung văn bản:

1. Chấp thuận chủ trương khai thác, sử dụng trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ quốc lộ 1 đoạn từ Km 2066+ 000 đến Km 2067+ 825 (phía trái tuyến) thuộc thị xã B1, tỉnh Vĩnh Long để cải tạo công viên cây xanh với điều kiện không ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông đường bộ.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Chỉ đạo chủ công trình Công ty Cổ phần tư vấn – thương mại- dịch vụ Địa ốc H1 lập sơ đồ thiết kế kỹ thuật nêu tại Mục 1 gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét chấp thuận theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện cải tạo Công viên cây xanh trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

3. Giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công và giám sát việc thực hiện theo quy định (BL 456). Công ty Cổ phần tư vấn - thương mại - dịch vụ Địa ốc H1 chưa thực hiện được vì thiếu Quyết định giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên Tổng cục Đường bộ Việt Nam chưa cấp phép (BL 292).

Khi có được văn bản, Bị cáo X nảy sinh ý định làm giả quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao Công ty P do bị cáo làm Giám đốc làm chủ đầu tư quản lý và cải tạo công viên cây xanh kết hợp với khai thác dịch vụ trong hành lang an toàn giao thông đường bộ Km 2066+ 000 đến Km 2067+ 825 (T) QL1 nhằm mục đích kêu gọi đầu tư để chiếm đoạt tài sản bởi vì vị trí này Bộ Giao thông vận tải chấp thuận giao cho Công ty Cổ phần tư vấn- thương mại- dịch vụ Địa ốc H1 lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật để được Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp phép thi công.

Bị cáo X làm giả Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/ 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong quyết định có nội dung: Giao Công ty P làm chủ đầu tư dự án quản lý và cải tạo công viên cây xanh kết hợp khai thác dịch vụ, cấp phát nhiên liệu trong hành lang an toàn đường bộ Km 2066 + 000 - Km 2066 + 400 (T) QL1 do Phó Chủ tịch Lữ Quang N ký tên đóng dấu (BL 312).

Bị cáo X cầm văn bản của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đưa cho ông Lê Tấn T8, sinh năm 1972, ngụ số 79 T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ đang làm việc cho Cửa hàng xăng dầu Petrolimex Cần Thơ xem, ông T8 giới thiệu cho ông Phạm Hoàng H9, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV xăng dầu B (gọi tắt là công ty xăng dầu B) địa chỉ: số 4/4 C, phường B, quận B1, thành phố Cần Thơ đến gặp Bị cáo X để ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Sau khi được Bị cáo X cho xem văn bản số 10435/BGTVT-KCHT ngày 14/9/2017 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Ông Phạm Hoàng H9 đồng ý ký kết hợp đồng liên danh số 244/HĐLD-2019 ngày 24/4/2019 với công ty P: hai bên thống nhất liên danh khai thác xây dựng khu tiếp nhiên liệu và dịch vụ trên hành lang bảo vệ cầu Cần Thơ bên trái tuyến từ Km 2066+ 000 - Km 2066+ 400 (T) QL1. Theo dự án được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long v/v giao đất cho Công ty P tại vị trí trên (BL 549 đến 552).

Sau khi ký kết hợp đồng liên danh, từ ngày 25/4 đến 17/5/2019, Công ty xăng dầu B đã chuyển cho Bị cáo X tổng số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 23/5/2019, Bị cáo X ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 019/2019/HĐHTKD/P2– B ngày 23/5/2019. Tổng số tiền lợi nhuận khoán khai thác trong suốt thời gian hợp tác kinh doanh: 8.600.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm triệu đồng) và được bên B thanh toán cho bên A (BL 573 đến 579), kèm theo hợp đồng hợp tác kinh doanh Bị cáo X đưa cho ông H9. Biên bản bàn giao mặt bằng công trình: Cải tạo công viên cây xanh khai thác sử dụng dịch vụ thương mại cấp phát nhiên liệu trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của Chi cục quản lý đường bộ IV.7- Cục Quản lý đường bộ IV ngày 14/5/2019 do Bị cáo X tự làm giả (BL 493, 545) để cho ông H9 tin tưởng và lập biên bản giao mặt bằng giữa Công ty P do Bị cáo X làm đại diện bên giao, bên nhận là Công ty xăng dầu B do ông Phạm Hoàng M2 – Trợ lý Tổng Giám đốc làm đại diện bên nhận (BL 547). Từ ngày 23/5/2019 đến ngày 02/7/2019 Bị cáo X đã nhận số tiền của Công ty xăng dầu B 3.550.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền Bị cáo X đã nhận của Công ty xăng dầu B là 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ngày 11/9/2019, Công ty xăng dầu B ban hành văn bản số 019/2019/-Bb.petro v/v vi phạm thực hiện hợp đồng yêu cầu Công ty P phải nhanh chóng thanh toán số tiền đã nhận 4.700.000.000 đồng và lãi tạm tính là 108.000.000 đồng trước ngày 19/9/2019 (BL 555). Hết thời gian quy định nhưng vẫn không thấy Bị cáo X thực hiện ông H9 đã đến gặp Bị cáo X thì Bị cáo X trả lời rằng: Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị sai nên đổi lại Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Tại Điều 3 có tên Công ty P và đưa cho ông H9 xem quyết định này. Xem xong Bị cáo X lấy lại và đưa cho ông H9 bản sao Quyết định thực sự, Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 do Bị cáo X làm giả. Đến ngày 17/10/2019. Bị cáo X làm giấy cam kết hẹn đến ngày 15/12/2019 phải thanh toán hết số tiền đã tạm ứng của Công ty B theo hợp đồng hai bên đã ký nhưng vẫn không thực hiện (BL 546). Khi biết được thông tin Bị cáo X bị cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long bắt tạm giam về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên ông H9 làm đơn tố cáo yêu cầu Bị cáo X hoàn trả số tiền 4.700.000.000 (bốn tỷ bảy trăm triệu đồng).

#### *Vụ thứ tư:*

Tháng 8/2019, ông Lương Ngọc H10 giới thiệu cho Nguyễn Minh T7 sinh năm 1978 là Giám đốc Công ty Cổ phần dầu nhớt và hóa chất M3 (gọi tắt là công ty hóa chất M3), địa chỉ 36 đường 11A phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh làm quen với Bị cáo X. Ông T7 hỏi Bị cáo X tìm kiếm mặt bằng để trạm kinh doanh xăng dầu và trưng bày sản phẩm dầu nhớt của Công ty M3. Sau đó, Bị cáo X dẫn Ông T7 đến xem khu đất mà Bộ Giao thông vận tải chấp thuận cho Công ty Cổ phần tư vấn thương mại dịch vụ Địa ốc H1 khai thác sử dụng, Ông T7 thấy địa điểm thuận lợi trong việc kinh doanh trưng bày sản phẩm nên đồng ý.

Bị cáo X nảy sinh ý định làm giả các tài liệu liên quan đến việc giao vị trí đất này cho Công ty P làm chủ đầu tư dự án khu đất để chiếm đoạt tiền của Ông T7. Bị cáo X làm giả Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long do Phó Chủ tịch Trần Hoàng T11 ký: Giao cho Công ty P làm chủ đầu tư dự án quản lý và cải tạo công viên cây xanh kết hợp khai thác dịch vụ trong hành lang an toàn đường bộ đoạn Km 2066+ 000 - Km 2066+ 500 (T) QL1 (BL 594); ngày 06/12/2019, Ông T7 chuyển cho Bị cáo X số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngày 18/12/2019, Bị cáo X đến Công ty M3 gặp Ông T7, cung cấp cho Ông T7 Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và văn bản số 10435/BGTVT-KCHT ngày 14/9/2017 của Bộ Giao thông vận tải. Sau khi xem xong, Ông T7 cùng Bị cáo X ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/12/HĐHTKD.P2.2019 ngày 18/2/2019. Tổng mức đầu tư của Hợp đồng hợp tác kinh doanh là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng). Trong đó bao gồm:

Giá trị mặt bằng: mười tỷ đồng

Đầu tư xây dựng: sáu tỷ đồng

Vốn lưu động: bốn tỷ đồng

Sau khi ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, bên B sẽ chi trả cho bên A số tiền 5.000.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Theo tiến độ thực hiện các thủ tục giấy tờ để bên B có thể xây dựng cửa hàng xăng dầu trên mặt bằng (BL 598 -599).

Ngày 20/12/2019, Ông T7 chuyển cho Bị cáo X số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Ngày 24/12/2019 Ông T7 chuyển cho Bị cáo X số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Bị cáo X tiếp tục làm giả công văn số 4561/TCĐBVN-ATGT ngày 27/12/2019 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam v/v cải tạo công viên cây xanh trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ (BL 471, 595) và làm giả công văn số 48/UBND-KTN ngày 21/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long: v/v trả lời đơn xin mở cửa hàng xăng dầu của Công ty hóa chất M3 (BL 40, 41, 620). Ngày 21/01/2020, Bị cáo X chụp lại hai văn bản rồi chuyển qua Zalo của bà Nguyễn Thị Nhâm Q1 sinh năm 1983 là Quản lý hành chính nhân sự - Công ty hóa chất M3 để yêu cầu Công ty chuyển số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trước Tết Nguyên đán. Cùng ngày Công ty đã thực hiện theo yêu cầu của Bị cáo X chuyển đủ số tiền Ba trăm triệu đồng.

Nhiều lần Ông T7 yêu cầu Bị cáo X cung cấp bản chính các công văn gửi qua Zalo nhưng Bị cáo X không cung cấp. Ông T7 nghi ngờ nên ngày 06/02/2020, Công ty hóa chất M3 ban hành công văn số 01/2020-CN-MN gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị xác định tính xác thực của

Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 và công văn số 48/UBND-KTN ngày 21/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (BL 3).

Ngày 12/02/2020, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Công văn số 114/VP-UBND-HCTC trả lời không có ban hành văn bản nêu trên.

Ngày 21/02/2020, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành văn bản số 139/VPUBND-HCTC gửi Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Long đề nghị xác minh điều tra làm rõ các văn bản được ban hành bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (BL 1).

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Mộng X thực hiện hành vi gian dối bằng việc làm giả các giấy tờ tài liệu của Cơ quan Nhà nước để chiếm đoạt số tiền 7.680.000.000 đồng (Bảy tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng) để duy trì hoạt động kinh doanh hai công ty và sử dụng cá nhân. (BL209, 216, 217, 225, 235, 236).

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mộng X phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a, b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng X 03 (ba) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng X 12 (mười hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017,

Tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Mộng X phải chấp hành cả hai tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 23/4/2020.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017,

Tổng hợp hình phạt của bản án số: 146/2019/HSPT ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt bị cáo 09 tháng tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, bị cáo Nguyễn Mộng X phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù.



Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Mộng X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyết định số 179/QĐ-VKS-P1 ngày 24/11/2021 kháng nghị bản án sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì lý do bỏ lọt hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Mặc dù, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm, nhưng bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**Phản tranh luận:**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm điều tra, giải quyết lại vụ án.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt áp dụng. Bị cáo thực hiện chuỗi hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức là để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long cho rằng đã bỏ lọt tội phạm là không đúng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng vụ án tại cấp sơ thẩm, đã chứng minh Bị cáo X đã làm giả rất nhiều tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức cụ thể:

Tại trụ sở công ty P, từ năm 2018 bị cáo Nguyễn Mộng X đã dùng máy vi tính để soạn thảo văn bản, tài liệu nội dung và in ra giấy khổ A4, sau đó dùng văn bản chính thống gấp lại để phần nơi nhận và dấu mộc chữ ký, rồi ghép lại với văn bản do bị cáo soạn thảo đem phô tô màu thành văn bản hoàn chỉnh có chữ ký và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền, những văn bản giả này có nội dung do X soạn thảo (Lời khai của Bị cáo X trong quá trình điều tra từ BL174-

237, kết quả thực nghiệm điều tra BL 981- 989). Với hình thức làm giả văn bản nêu trên, Bị cáo X đã làm giả rất nhiều văn bản như: Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công văn số 48/UBND-KTN ngày 21/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công văn số 970/UBND-VX ngày 02/3/2019, quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công văn số 39/UBND-KTN ngày 21/1/2020, Công văn số 53/UBND-KTN ngày 21/01/2020, Công văn số 54/UBND-KTN ngày 21/01/2020, Công văn số 71/UBND-KTN ngày 21/01/2020, Văn bản số 4433/BGTVT-ĐTCT ngày 14/5/2019, Văn bản số 5533/BGTVT-KCHT ngày 12/6/2019, Văn bản số 3452/BGTVT-MT ngày 13/4/2020, Công văn 4561/TCĐBVN-ATGT ngày 27/12/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam, các giấy phép thi công số 112/QLĐBIV-GP ngày 14/5/2019, giấy phép thi công số: 113/QLĐBIV-GP ngày 31/5/2016... Theo biên bản thu giữ đồ vật tài liệu khi khám xét tại trụ sở công ty số 71 đường B11 khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần thơ (BL 62-96), tổng cộng có 31 tờ tài liệu giả đã hoàn chỉnh và 45 tờ tài liệu chưa hoàn chỉnh (BL 1000 - 1002).

Căn cứ vào kết quả rà soát văn bản theo công văn số 139/VPUBND-HCTC ngày 21/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xác định không ban hành văn bản số 2930/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 và 48/UBND-KTN ngày 21/01/2020 (BL 01).

Căn cứ vào kết quả rà soát văn bản của Bộ giao thông vận tải đã xác định không ban hành các văn bản số 4433/BGTVT-ĐTCT ngày 14/5/2019, văn bản số 5533/BGTVT-KCHT ngày 12/6/2019, văn bản số 3452/BGTVT-MT ngày 13/4/2020 (BL 459).

Căn cứ vào kết quả rà soát văn bản của Tổng cục đường bộ Việt Nam xác định công văn số 50/TCĐBVN - ATGT ngày 12/7/2019 về việc điều chỉnh quyết định 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và công văn số 8980/ TCĐBVN- ATGT ngày 24/12/2019, văn bản 4561/TCĐBVN-ATGT ngày 27/12/2019 là giả mạo văn bản của Tổng cục đường bộ Việt nam (BL 474 – 475).

Căn cứ vào kết quả rà soát văn bản của Cục quản lý đường bộ IV xác định không ban hành giấy phép số 112 và số 113 (BL 483).

Tại kết luận giám định số 201/KLGĐ-PC 09 ngày 21/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long, kết luận: Hình dấu tròn có chữ ký Trần Hoàng T11 trên công văn số 48/UBND-KTN ngày 21/01/2020 là hình dấu và chữ ký sao chụp bằng phương pháp in phun màu (BL 40-41).

Tại kết luận giám định số 246/KLGĐ-PC 09 ngày 16/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Hình dấu tròn có chữ ký Lữ Quang N trên các công văn số 170/UBND-VX ngày 02/3/2019, công văn số 970/UBND-VX ngày 02/3/2019 và quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 là hình dấu và chữ ký sao chụp bằng phương pháp in phun màu; hình dấu tròn có

chữ ký Trần Hoàng T11 trên quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 23/9/2019, công văn số 39/UBND-KTN ngày 21/1/2020, công văn số 53/UBND-KTN ngày 21/01/2020, công văn số 54/UBND-KTN ngày 21/01/2020, công văn số 71/UBND-KTN ngày 21/01/2020 là hình dấu và chữ ký sao chụp bằng phương pháp in phun màu (BL 42-43).

Sau khi tạo ra các văn bản giả trên, Bị cáo X đã dùng các giấy tờ giả này để tạo niềm tin cho các đối tác và ký kết nhiều hợp đồng để chiếm đoạt tiền của các đối tác. Cụ thể như sau:

*Đối với Công ty xăng dầu B:*

Bị cáo X đã đưa cho ông Lê Tấn T8 là nhân viên công ty xăng dầu B xem văn bản số 10435/BGTVT-KCHT ngày 14/9/2017 của Bộ Giao thông vận tải và văn bản giả là Quyết định 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 có nội dung: Giao cho công ty P làm chủ đầu tư dự án quản lý và cải tạo công viên cây xanh kết hợp khai thác dịch vụ, cấp phát nhiên liệu trong hành lang an toàn đường bộ KM 2066+ 000- km 2066+ 400(T)QL 1, ông T8 giới thiệu X cho ông Phạm Hoàng H9 là chủ sở hữu công ty xăng dầu B, sau khi ông H9 xem nội dung văn bản, ông H9 tin là thật. Chính hành vi gian dối của Bị cáo X cung cấp văn bản giả để tạo niềm tin cho ông H9, nên ngày 24/4/2019 ông H9 đã ký với Bị cáo X hợp đồng liên danh số 244/HĐLD-2019 ngày 24/4/2019 với nội dung khai thác xây dựng khu tiếp nhiên liệu và dịch vụ trên hành lang bảo vệ cầu Cần Thơ bên trái tuyến từ km 2066+000 đến km 2066+400QL1A có lý trình km 2066+167 đến km 2066+267, thời hạn liên danh là 49 năm (BL 540- 507). Sau khi ký kết hợp đồng liên danh, Bị cáo X đã nhận của công ty xăng dầu B 1.150.000.000 đồng vào các ngày 25/4/2019 nhận 450.000.000 đồng, ngày 29/4/2019 nhận 50.000.000 đồng, ngày 04/5/2019 nhận 150.000.000 đồng, ngày 16/5/2019 nhận 150.000.000 đồng, ngày 17/5/2019 nhận 350.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt (BL 565 - B1 572).

Ngày 23/5/2019 Bị cáo X tiếp tục ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty xăng dầu B hợp đồng số 019/2019/HĐHTKD/P2- B với số tiền lợi nhuận khoán khai thác trong suốt thời gian hợp tác kinh doanh là 8.600.000 đồng (BL 519- 524), từ ngày 23/5/2019 đến ngày 2/7/2019 Bị cáo X đã nhận nhiều lần tổng cộng 3.550.000.000 đồng, tổng cộng X đã nhận của Công ty xăng dầu B là 4.700.000.000 đồng. Quá hạn bàn giao hồ sơ theo hợp đồng, Bị cáo X cung cấp Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 thay thế Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 để tạo niềm tin cho phía Công ty xăng dầu B; đồng thời Bị cáo X đã cam kết 2 lần vào ngày 18/9/2019 và ngày 17/10/2019 để thanh toán tiền tạm ứng và thanh lý hợp đồng, nhưng X vẫn không thanh toán cho công ty B, Bị cáo X viết cam kết để tạo niềm tin cho đối tác, nhưng thực chất bị cáo không còn khả năng thanh toán và thực tế cũng không thanh toán cho công ty B khoản tiền nào. (Lời khai Bị cáo X tại phiên tòa). Như vậy, bằng hành vi gian dối Bị cáo X đã chiếm đoạt của Công ty xăng dầu B số tiền 4.700.000.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm triệu đồng)

*Đối với Công ty hóa chất M3:*

Cũng với hành vi tương tự, thông qua sự giới thiệu của ông Lương Ngọc H10, Bị cáo X gặp ông Nguyễn Minh T7 là giám đốc công ty hóa chất M3 giới thiệu công ty P là chủ đầu tư dự án quản lý và cải tạo công viên cây xanh kết hợp khai thác dịch vụ trong hành lang an toàn đường bộ đoạn km 2066+000 đến km 2066+400QL1A và dẫn Ông T7 xem đất. Ngày 18/12/2019 Xuyên cung cấp cho Ông T7 quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 5/9/2019 do Xuyên làm giả có nội dung nêu trên, và văn bản số 10435/BGTVT-KCHT ngày 14/9/2017 của Bộ giao thông vận tải, với hành vi gian dối cung cấp văn bản và dẫn Ông T7 đi xem đất dự án, nên Ông T7 tin thật đã ký hợp đồng số 18/12/HĐHTKD-P 2019 ngày 18/12/2019 có tổng mức đầu tư là 20 tỷ (BL 598). Sau khi ký kết hợp đồng X đã chiếm đoạt của công ty hóa chất M3 tổng cộng 4 lần với số tiền 2.100.000.000 đồng (BL 113).

Bên cạnh đó Bị cáo X còn có hành vi gian dối dùng 1 tài sản chuyển nhượng cho nhiều người để chiếm đoạt tài sản.

*Đối với công ty K:*

Thấy rằng khi ký kết hợp đồng số 0208/HĐKT/2017 giữa Bị cáo X với công ty K là hợp đồng dân sự không có dấu hiệu gian dối, cả hai đều ký kết trên tinh thần tự nguyện bình đẳng, việc công ty K giao tiền cho X 550.000.000 đồng là đúng theo thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, khi có giấy phép thi công của Cục quản lý đường bộ IV, giấy phép số 197 cấp ngày 10/8/2017 ( BL 733) thì Xuyên không cung cấp bản chính cho công ty K như thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng, bị cáo chỉ đưa bản phô tô màu, còn bản chính Bị cáo X lại đưa cho công ty T3 sau khi ký kết hợp đồng số 03/08/2017/HĐCN/TT-TPH với công ty T3 vào ngày 15/8/2017 để chuyển nhượng 2 vị trí tại Km 2067+ 050 thuộc đường dẫn cầu cạn thơ phía bờ Vĩnh Long, công ty T3 đã đưa vào sử dụng, 2 vị trí này Xuyên đã chuyển nhượng cho công ty K trước đó. Ngày 15/8/2017 và ngày 24/8/2017 tiếp tục nhận của công ty K 400.000.000 đồng. Hành vi nhận 400.000.000 đồng của Bị cáo X là do X gian dối với công ty K có được từ việc đưa giấy phép thi công giả, đã dùng 2 vị trí đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho công ty K đi chuyển nhượng cho người khác mà lại tiếp tục lấy tiền của công ty K, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long chỉ truy tố hành vi lừa đảo của Xuyên với số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

*Đối với công ty P2:*

Ngày 26/9/2018, X ký hợp đồng số 003/HĐKT/2018 với công ty P2, nội dung chuyển nhượng dự án xây dựng pano tấm lớn 01 biển tại vị trí Km2031 trên quốc lộ 1, xã T, thành phố V với số tiền 800.000.000 đồng. Bị cáo X đã tạm ứng số tiền 480.000.000 đồng. Tuy nhiên tại vị trí này Bị cáo X đã chuyển nhượng cho công ty T3 vào ngày 15/9/2017, giữa X và công ty T3 chưa thanh lý hợp đồng, khi ký kết hợp đồng với công ty P2, X cũng không báo cho công ty P2 biết sự việc và vị trí này cũng không đủ điều kiện thi công. Hành vi gian dối ký hợp đồng với công ty P2 Xuyên đã chiếm đoạt được số tiền 480.000.000 đồng.

*Đối với công ty T3:*

Ngày 15/9/2017, Xuyen ký hợp đồng số 02/HĐKT/2017 với công ty T3 để chuyển nhượng dự án mua giấy phép pano biển lớn số lượng 02 vị trí biển; 01 biển tại Km2031 trên quốc lộ 1, xã T, thành phố V, 01 biển tại vị trí Km 50 phường T, quận T1, thành phố Cần thơ, trị giá hợp đồng là 1.400.000.000 đồng, tổng cộng Bị cáo X đã nhận là 1.395.000.000 đồng.

Đối với hành vi ký kết hợp đồng vị trí tại Km 50-Thốt nốt Cần thơ X đã chuyển nhượng cho công ty K, nhưng theo lời trình bày của Quân ngày 5/10/2020 là: Sau khi ký kết hợp đồng Q (giám đốc Công ty K) đầu tháng 9 năm 2017 Q và X có đi khảo sát thực tế 5 vị trí các biển quảng cáo trong hợp đồng, Q cũng biết được có 3 vị trí có giấy phép xây dựng là 1 vị trí tại Bạc Liêu và 2 vị trí thuộc đường dẫn cầu Cần Thơ. Q đồng ý thực hiện theo khảo sát (BL 775) nên việc X chuyển vị trí xây dựng tại Km 50 tại phường T, quận T1, thành phố Cần Thơ cho T3 là không vi phạm vì giữa Q và X đã thỏa thuận lại hợp đồng. Nên Viện kiểm sát nhân tỉnh Vĩnh long không truy tố hành vi này là có căn cứ, nên công ty T3 có thể kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Như vậy, với thủ đoạn sử dụng tài liệu con dấu giả và thủ đoạn gian dối khác Bị cáo X đã chiếm đoạt tiền của của các công ty tổng cộng là: 7.680.000.000 đồng. Bị cáo X thực hiện chuỗi hành vi một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, hành vi làm giả, sử dụng con dấu tài liệu giả là điều kiện, là tiền đề để bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác, và mỗi hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, mục đích duy nhất của Bị cáo X làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức chỉ phục vụ cho việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Bị cáo X phạm 02 tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm:

[2.1] Xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc: Xác định Bị cáo X bị truy tố hai tội danh độc lập qui định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xét thấy, hầu hết các Điều luật thuộc phần tội phạm cụ thể đều mô tả một hành vi hoặc một chuỗi các hành vi mà người phạm tội đã thực hiện khi phạm tội đó. Theo đó, có những tội phạm thì người phạm tội chỉ cần thực hiện một trong chuỗi các hành vi nêu tại điều luật là đủ yếu tố cấu thành tội phạm; Có những tội phạm người phạm tội phải thực hiện tất cả các hành vi được mô tả trong điều luật thì mới đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Trích dẫn Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015: “1. Người nào ***làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật***, thì bị phạt tiền ... hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm. ...”. Theo nội dung trên thì hành vi “làm giả” hoặc “sử dụng” là điều kiện cần, và việc sử dụng để “thực hiện hành vi trái pháp

luật” là điều kiện đủ của cấu thành tội phạm. Vậy Điều 341 Bộ luật hình sự quy định 03 nội dung chính như sau:

+ Một là, người thực hiện hành vi “***làm giả***” (làm xong hủy luôn) mà không ***sử dụng*** giấy tờ giả đó để thực hiện hành vi trái pháp luật thì không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm theo quy định tại điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Nhưng cần phải lưu ý việc thực hiện hành vi trái pháp luật ở đây được hiểu rộng là: Hành vi bán, tặng cho tài liệu đó hoặc do vô tình hay cố ý để người khác lấy và sử dụng tài liệu giả đó vào việc thực hiện hành vi trái pháp luật).

+ Hai là, người thực hiện hành vi làm giả và sử dụng giấy tờ giả đó để “thực hiện hành vi trái pháp luật” thì đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

+ Ba là, người không thực hiện hành vi ***làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức*** nhưng có hành vi cố ý ***sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả*** thực hiện hành vi trái pháp luật thì người đó đã phạm tội độc lập là “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan tổ chức”.

- Mặt khác, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Trong vụ án này Bị cáo X sử dụng giấy tờ giả do chính bị cáo làm ra để thực hiện hành vi lừa đảo, chứ không sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức do người khác làm ra (không phải bị cáo), nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội danh độc lập là “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” như nội dung của quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Từ những nội dung nhận định trên xác định việc Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã nhận định Bị cáo X phạm 02 tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng xét xử bị cáo Nguyễn Mộng X phạm 03 tội danh độc lập gồm: Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tổng hợp 03 mức hình phạt đối với Bị cáo X.

[2.2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Mộng X.

Hành vi làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường đúng đắn của tổ chức, cơ quan Nhà nước; Xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, cá nhân và tổ chức. Mục đích bị cáo làm giả và sử dụng con dấu tài liệu giả để thực hiện hành

vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại (thông qua việc ký kết hợp đồng). Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đã xâm phạm đến quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ. Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 7.680.000.000 đồng. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 15 năm tù đối với hai tội danh mà bị cáo đã thực hiện là thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo X xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình thêm chứng cứ hay tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1/Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mộng X; Không chấp nhận quyết định kháng nghị số 179/QĐ-VKS-P1 ngày 24/11/2021 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mộng X phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng X 03 (ba) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng X 12 (mười hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Mộng X phải chấp hành cả hai tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 23/4/2020.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt của bản án số: 146/2019/HSPT ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt bị cáo 09 tháng tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, bị cáo Nguyễn Mộng X phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Mộng X để đảm bảo thi hành án.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Mộng X phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Vĩnh Long (02 bản);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- TTG công tỉnh Vĩnh Long;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu (10) 20b (Án BDA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**